

Số: /BC-UBGSTCQG

Hà Nội, ngày 25 tháng 11 năm 2016

BÁO CÁO

TÌNH HÌNH KINH TẾ THÁNG 11 VÀ 11 THÁNG ĐẦU NĂM 2016

(Tài liệu phục vụ phiên họp Chính phủ tháng 11/2016)

✓ **Kinh tế thế giới**

- *Chỉ số Bloomberg Dollar Index đã tăng 4% sau bầu cử Tổng thống Mỹ. Chính phủ nhiều nước Châu Á đã phải can thiệp thị trường nhằm tránh đồng nội tệ giảm quá sâu;*
- *Khả năng tăng lãi suất điều hành của Fed vào cuộc họp tháng 12 gần như chắc chắn khi kinh tế Mỹ có nhiều diễn biến tích cực.*

✓ **Kinh tế Việt Nam**

- *Lạm phát những tháng cuối năm sẽ phụ thuộc chủ yếu vào giá xăng dầu và lương thực, thực phẩm;*
- *Hoạt động sản xuất duy trì xu hướng cải thiện trong những tháng cuối năm;*
- *Vốn FDI vào Việt Nam tiếp tục tăng mạnh;*
- *Bội chi NSNN ước đạt cao hơn mục tiêu 4,95% GDP đề ra do GDP danh nghĩa thấp hơn kế hoạch. Nợ công dự kiến tăng sát trần 65% GDP song cơ cấu nợ đang có sự chuyển biến tích cực;*
- *Thị trường ngoại hối có đột biến trong tháng 11 nhưng chủ yếu do yếu tố mùa vụ và tác động tâm lý của việc đồng USD tăng giá trên thị trường thế giới;*
- *Nhà đầu tư nước ngoài đẩy mạnh bán ròng trong tháng 11 trong bối cảnh cảnh tỷ giá USD/VND tăng giá 1% và Fed có thể tăng lãi suất trong tháng 12/2016.*

I. KINH TẾ THẾ GIỚI

1. Tình hình kinh tế thế giới:

Tổng thống Mỹ mới đắc cử Donald Trump đã công bố kế hoạch cho 100 ngày đầu tiên tại Nhà trắng với một số quan điểm như: (i) bảo hộ mậu dịch, trong đó có việc rút khỏi TPP; (ii) tăng cường các biện pháp kích thích kinh tế bằng chính sách tài khóa mở rộng với việc tăng chi tiêu chính phủ và cắt giảm thuế; (iii) giảm bớt kiểm soát hoạt động đầu tư tài chính. Những quan điểm chính sách này có thể gây ảnh hưởng nhất định đến kinh tế Việt Nam trong năm 2017 như: (1) xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam vào Mỹ (kim ngạch xuất khẩu hàng hóa vào Mỹ chiếm khoảng 19,3% tổng kim ngạch) có thể chịu ảnh hưởng; (2) khả năng nới lỏng tài khóa và Fed tăng lãi suất sẽ làm đồng USD tăng giá, gây áp lực lên tỷ giá của đồng Việt Nam cũng như lạm phát trong nước.

Kinh tế Mỹ nhiều diễn biến tích cực: (i) lạm phát tháng 10 đạt 1,6%, đạt mức cao nhất kể từ tháng 4/2015 và gần với lạm phát mục tiêu 2%; (ii) tỷ lệ thất nghiệp giảm 0,1% so với tháng trước (ở mức 4,9%); (iii) chỉ số PMI tháng 11 ở mức 53,96 điểm, tăng 0,5 điểm so với tháng trước, và là mức cao nhất trong vòng 13 tháng...

Châu Âu, trước tình hình lạm phát vẫn ở mức thấp so với mục tiêu 2% đề ra, nhu cầu chi tiêu giảm, sự mất giá của đồng tiền chung và tình trạng bất ổn của nền kinh tế toàn cầu, EU đã hạ dự báo tăng trưởng khu vực Eurozone năm 2017 xuống mức 1,5% và 1,7% vào năm 2018. Đồng thời, EU cũng dự báo tốc độ tăng trưởng của Anh sẽ giảm chỉ còn 1% trong năm 2017 do tác động của Brexit, trước khi tăng nhẹ lên mức 1,2% trong năm 2018.

Nhật Bản, tăng trưởng GDP quý 3 đạt 2,2%, cao hơn mức dự báo 0,9%, và có quý thứ 3 liên tiếp tăng trưởng dương. Tuy nhiên, kinh tế Nhật vẫn đang gặp nhiều khó khăn do sự tăng giá của đồng yên khiến xuất khẩu nước này giảm 1,4% trong tháng 10, nhập khẩu giảm 16,5%, tiêu dùng tư nhân yếu.

Trung Quốc, chỉ số giá sản xuất (PPI) tăng 1,2% so với cùng kỳ năm ngoái, cao hơn so với dự báo 0,8%. Đây là tháng thứ hai liên tiếp chỉ số PPI tăng và là mức tăng cao nhất kể từ tháng 12/2011. Do đó, mặc dù tỷ giá đồng NDT giảm mạnh xuống mức thấp nhất trong vòng 8 năm, song trước những tín hiệu khả quan trên, các chuyên gia dự báo nền kinh tế Trung Quốc vẫn tăng trưởng ổn định trong quý 4.

2. Chính sách tiền tệ của một số Ngân hàng Trung ương trên thế giới

Tại Mỹ, khả năng tăng lãi suất điều hành của Fed vào cuộc họp tháng 12 gần như chắc chắn khi những cam kết mạnh mẽ của tân tổng thống Mỹ Donald Trump về các chính sách phục hồi kinh tế thông qua nới lỏng tài khóa (tăng chi tiêu chính phủ và giảm thuế thu nhập doanh nghiệp) giúp tăng kỳ vọng lạm phát và tiêu dùng.

Tại Châu Á, đồng USD tăng giá mạnh¹ đã khiến nhiều NHTW phải can thiệp thị trường nhằm tránh đồng nội tệ của mình giảm quá sâu²:

¹ Tính đến ngày 23/11, chỉ số Bloomberg Dollar Index đã tăng 4% so với ngày 8/11 (ngày bầu cử Tổng thống Mỹ)

NHTW Indonesia đã liên tục can thiệp vào tỷ giá bằng cách bán ra USD và mua vào trái phiếu Chính phủ nhằm kìm hãm đà giảm của đồng rupiah.

Malaysia cũng hạn chế khối lượng giao dịch trên thị trường tương lai nhằm giảm thiểu hiện tượng đầu cơ đồng ringgit. NHTW Malaysia thông báo đã can thiệp vào thị trường để bảo vệ đồng ringgit sau khi đồng tiền này giảm giá hơn 4% so với USD.

Tại Trung Quốc, NHTW nước này đã tung ra các biện pháp can thiệp, hạ nhẹ tỷ giá và sử dụng các ngân hàng quốc doanh để ngăn đồng nhân dân tệ giảm giá quá sâu.

Tại Nhật, NHTW Nhật Bản tuyên bố sẽ sẵn sàng mua vào một lượng trái phiếu chính phủ Nhật với khối lượng không hạn chế ở mức lợi suất cố định -0,04% đối với kì hạn 5 năm và -0,09% đối với kì hạn 2 năm. Động thái này của BOJ được cho là nhằm ngăn xu hướng tăng lợi suất của trái phiếu NHTW đang diễn ra tại Nhật và nhiều quốc gia khác, đặc biệt tại Mỹ trước những kì vọng tích cực về lạm phát và tăng trưởng của đầu tàu kinh tế toàn cầu. Điều này cũng cho thấy cam kết mạnh mẽ của BOJ trong việc giữ vững lợi suất trái phiếu chính phủ Nhật ở quanh mức 0%.

3. Thị trường tài chính Thế giới

Thị trường chứng khoán toàn cầu có những diễn biến tích cực trong tháng 11 khi nhiều chỉ số chứng khoán tại Mỹ, Châu Âu và Nhật bản phục hồi tốt. Tuy nhiên, những kì vọng về việc tăng lãi suất TPCP Mỹ cũng như tăng giá của đồng USD đã khiến các quỹ đầu tư trên toàn cầu bắt đầu dịch chuyển nguồn vốn ra khỏi chứng khoán và trái phiếu của nhiều nền kinh tế mới nổi tại châu Á³.

4. Giá hàng hóa

Giá dầu liên tục biến động trong tháng 11. Tình trạng dư cung và đồng USD tăng giá đã khiến giá dầu giảm trong nửa đầu tháng 11. Song, trước thông tin OPEC đang tiến gần tới thống nhất thỏa thuận về việc cắt giảm sản lượng, giá dầu đã tăng hơn 4% trong phiên giao dịch ngày 21/11, lên mức cao nhất trong vòng 3 tuần. Việc OPEC đạt được thỏa thuận cắt giảm sản lượng có thể khiến giá dầu vượt mốc 55 USD/thùng. Hiện, giá dầu vẫn đang dao động quanh mức 45 USD/thùng.

Giá hàng hóa thế giới, giá dầu tăng đẩy giá năng lượng tăng mạnh so với tháng trước (tăng 9,64%), giá kim loại cũng tăng 1,91%. Ngược lại, các mặt hàng như nông sản, lương thực và nguyên liệu thô giảm so với tháng trước (giảm lần lượt là -1,1% ; -0,85% và -2,11%).

2 Hầu hết các đồng tiền tại Châu Á đều giảm giá mạnh so với USD, Ringgit Malaysia và Rupiah của Indonesia đã giảm tới 6,22% và 4,09% tương ứng chỉ trong tháng 11. Đồng Nhân dân tệ liên tục giảm giá và đã lập đáy trong vòng 6 năm gần, giảm 2,22% so với USD trong tháng 11. So với đầu năm, CNY đã mất giá 6,6%.

3 Số liệu thống kê của Bloomberg trong khoảng thời gian từ ngày 9/11 cho đến ngày 18/11 cho thấy 11 tỷ USD bị rút khỏi Ấn Độ, Thái Lan, Indonesia, Hàn Quốc, Philippines và Đài Loan

Bảng giá hàng hóa thế giới

	Năng lượng		Nông sản		Lương thực		Nguyên liệu thô		Kim loại	
	Tốc độ tăng, giảm %									
	So với tháng trước	So với cùng kỳ	So với tháng trước	So với cùng kỳ	So với tháng trước	So với cùng kỳ	So với tháng trước	So với cùng kỳ	So với tháng trước	So với cùng kỳ
T1/2016	-15,34	-35,78	-2,2	-11,81	-0,94	-13,9	-2,19	-6,07	-2,04	-25,18
T2/2016	1,83	-41,46	1,08	-9,6	1,61	-10,44	1,03	-6,85	4,47	-20,3
T3/2016	14,86	-30,63	2,2	-4,95	2,12	-6,05	1,24	-4,14	6,01	-14,77
T4/2016	8,09	-29,1	2,74	-2,05	2,91	-2,33	3,33	-1,05	1,36	-14,01
T5/2016	10,74	-27,11	3,27	1,57	4,51	4,32	0,48	-3,28	-3,23	-19,57
T6/2016	4,93	-22,07	2,73	4,23	4,1	8,97	-0,72	-3,58	0,33	-14,44
T7/2016	-4,87	-17,75	-2,13	1,32	2,02	-0,31	-2,06	-4,08	5,48	-3,35
T8/2016	1,77	-3,18	-0,98	4,14	-1,25	7,76	-0,12	-2,88	0,63	2,32
T9/2016	0,87	-2,67	-0,66	5,49	-1,16	8,54	-2,47	-1,33	-1,72	-0,96
T10/2016	9,64	6,68	-1,1	3,17	-0,85	5,91	-2,11	-3,22	1,91	2,89

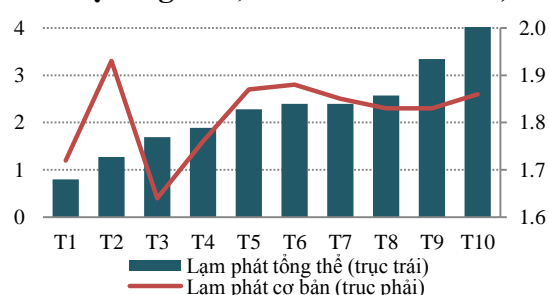
Nguồn: The Pink Sheet – World Bank Commodity Price

II. KINH TẾ VIỆT NAM

1. Lạm phát

Lạm phát xu hướng tăng nhưng lạm phát cơ bản vẫn ổn định. Lạm phát cơ bản (lạm phát loại trừ lương thực - thực phẩm; năng lượng và mặt hàng do Nhà nước quản lý bao gồm dịch vụ y tế và dịch vụ giáo dục) vẫn duy trì dưới 2% cho thấy sức ép từ tổng cầu đối với lạm phát của năm 2016 không lớn.

Tốc độ tăng CPI, T1/2016-T10/2016, %

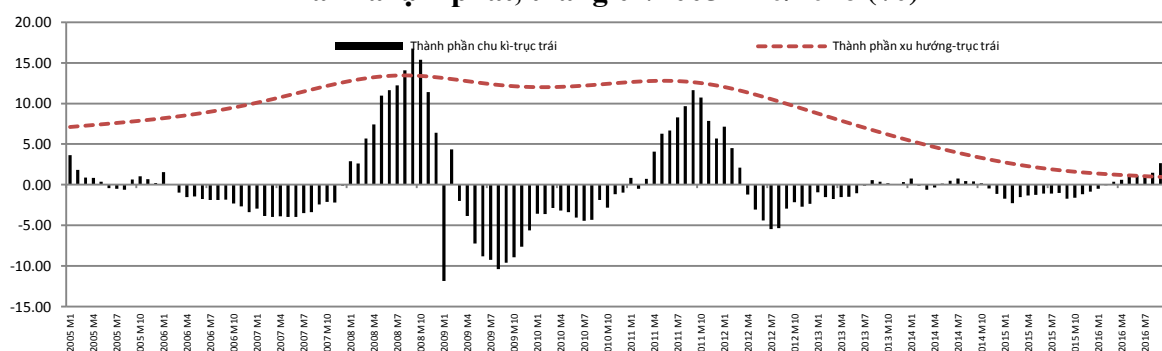


Nguồn: TCTK

Lạm phát năm 2016 cao hơn năm 2015 chủ yếu do chủ động điều chỉnh giá dịch vụ công tăng nhanh hơn năm 2015 (10 tháng đầu năm được phẩm y tế và giáo dục lần lượt đóng góp 2,36 điểm % và 0,65 điểm % vào mức tăng chung CPI so với đầu năm).

Phân rã lạm phát cũng cho thấy thành phần lạm phát dài hạn vẫn duy trì ở mức thấp nhờ các yếu tố cơ bản như tổng cầu (lạm phát cầu kéo) và chi phí sản xuất (lạm phát chi phí đẩy) ổn định; trong khi thành phần lạm phát có tính chu kỳ sau khi ngừng tăng trong tháng 6 và 7, đã tăng nhẹ trở lại trong tháng 8 và tiếp tục tăng khá mạnh trong tháng 9 và tháng 10 do chịu tác động của của tăng giá dịch vụ công (dịch vụ y tế, giáo dục đóng góp khoảng 70% vào tổng mức tăng chung kể từ đầu năm).

Phân rã lạm phát, tháng 01/2005 – 10/2016 (%)



Nguồn: Tính toán của UBGSTCQG

UBGSTCQG nhận định lạm phát trong tháng 11 và 12 sẽ phụ thuộc chủ yếu vào: giá xăng dầu và lương thực thực phẩm. Tuy nhiên nếu tăng thì mức độ tăng của hai nhóm hàng trên trong 2 tháng cuối năm kém hơn thì mức độ tăng lạm phát cả năm 2016 dự báo ở khoảng 5%.

Đóng góp tăng CPI trong tháng 10, điểm %

	So với cùng kỳ	So với đầu năm	So với tháng trước
Lạm phát tổng thể	4,09	4,00	0,83
Lương thực	0,13	0,09	0,00
Thực phẩm	0,64	0,62	0,06
Nhà ở, điện nước, chất đốt và VLXD	0,54	0,40	0,05
Dược phẩm, y tế	2,36	2,35	0,51
Giao thông	-0,35	-0,17	0,19
Giáo dục	0,65	0,65	0,04

Nguồn: TCTK và tính toán của UBGSTCQG

2. Về tăng trưởng hàng hóa và thương mại

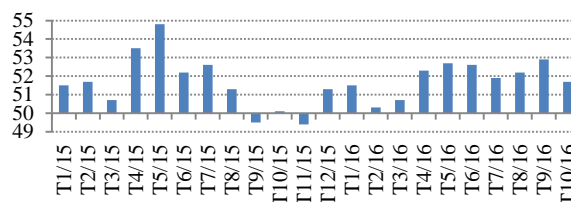
Hoạt động sản xuất duy trì xu hướng cải thiện trong những tháng cuối năm. Chỉ số PMI⁴ tiếp tục đạt mức trên 50 điểm - đạt 51,7 trong tháng 10 – phản ánh khu vực sản xuất đang có sự cải thiện tháng thứ 11 liên tiếp. Báo cáo của Markit Economics cũng chỉ ra rằng trong tháng 10 các điều kiện kinh doanh của lĩnh vực sản xuất được cải thiện nhờ số lượng đơn đặt hàng mới tăng nhanh hơn.

Chỉ số sản xuất công nghiệp IIP tháng 10 tăng xấp xỉ 6% so với tháng 9 nhờ sự phục hồi của ngành khai khoáng (tăng 9% so tháng trước) và mức tăng khá của ngành công nghiệp chế biến chế tạo (tăng 5,5% so tháng trước) cũng cho thấy ngành sản xuất công nghiệp đang duy trì được xu hướng tăng ổn định, trong đó ngành công nghiệp chế biến chế tạo (10 tháng/2016 tăng 10,7%) có mức tăng cao hơn so với cùng kỳ năm trước (10 tháng/2015 tăng 10,3%).

Cán cân thương mại trong 10 tháng đầu năm thặng dư 3,52 tỷ USD do xuất khẩu tăng khá (7,2%) trong khi nhập khẩu tăng thấp 2,1% (cùng kỳ năm 2015 tăng tương ứng 8,8% và 14,3%).

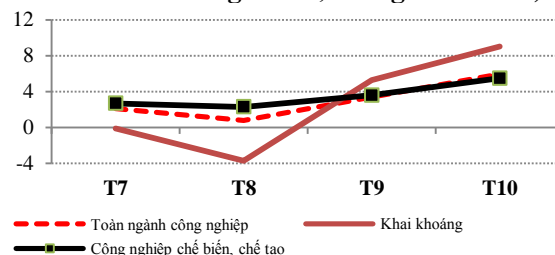
Khu vực FDI tiếp tục là nhân tố chủ lực khi chiếm tới 65,3% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu cả nước và mang lại mức thặng dư thương mại 17,6 tỷ USD trong 10 tháng đầu năm 2016. Tốc độ tăng trưởng của khu vực này được kỳ vọng sẽ tích cực hơn nữa trong thời gian tới khi nguồn vốn FDI chảy vào Việt

Chỉ số PMI tháng 1/2015-10/2016



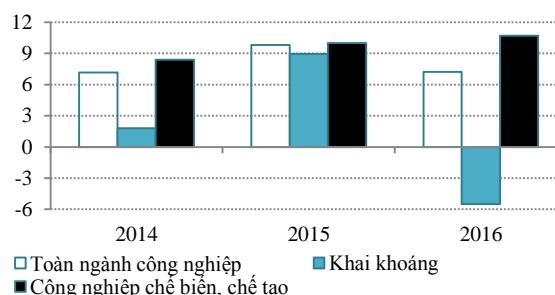
Nguồn: Markit Economics

Chỉ số IIP so tháng trước, tháng 7-10/2016, %



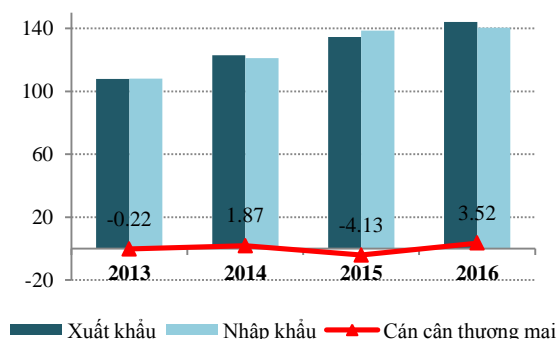
Nguồn: TCTK

Chỉ số IIP 10 tháng so với cùng kỳ giai đoạn 2014-2016, %



Nguồn: TCTK

Cán cân thương mại Việt Nam 10 tháng giai đoạn 2013 – 2016, tỷ USD

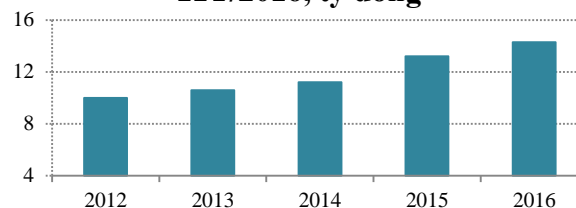


Nguồn: TCTK

⁴ PMI là chỉ số phản ánh sự thay đổi về điều kiện kinh doanh của ngành sản xuất tại Việt Nam do Markit Economics khảo sát và công bố. PMI trên 50 điểm phản ánh sự cải thiện, dưới 50 điểm phản ánh sự suy giảm, và mức 50 điểm phản ánh sự giữ nguyên của các điều kiện kinh doanh của ngành sản xuất.

Nam tiếp tục tăng mạnh. Tính chung trong 11 tháng đầu năm 2016, tổng vốn FDI đăng ký cấp mới và tăng thêm là 18,103 tỷ USD, trong đó số vốn giải ngân là 14,3 tỷ USD, tăng 8,3% so với cùng kỳ năm 2015.

Vốn thực hiện khu vực FDI 11T/2012-11T/2016, tỷ đồng

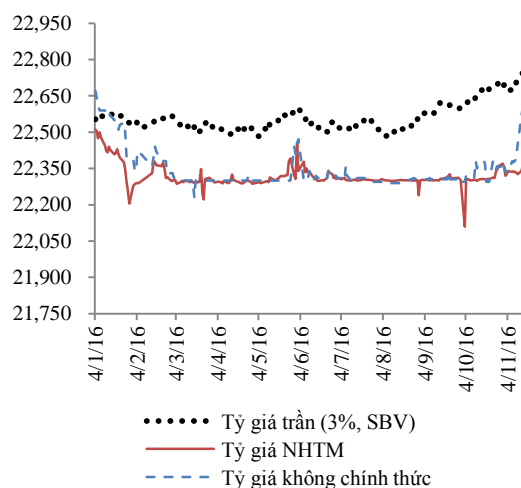


Nguồn: TCTK

3. Về thị trường ngoại hối

Thị trường ngoại hối trong tháng 11 có đột biến chủ yếu do yếu tố mùa vụ và tác động tâm lý của việc đồng USD tăng giá trên thị trường thế giới. Tỷ giá trung tâm liên tục được NHNN điều chỉnh tăng dần, tính đến 23/11, được niêm yết ở mức 22.136 VND/USD, tăng khoảng 1,1% so với đầu năm. Tỷ giá ngân hàng thương mại và thị trường phi chính thức cũng tăng trở lại sau một thời gian dài ổn định. Tỷ giá bán tại nhiều NHTM hiện phổ biến vào khoảng 22.700 VND/USD, tăng khoảng 0,22% so với đầu năm.

Tỷ giá VND/USD



Nguồn: HSC

Nguyên nhân khiến tỷ giá cụ thể như sau: (i) USD liên tục lên giá so với các đồng tiền chủ chốt, đặc biệt sau khi có kết quả chính thức của bầu cử Tổng thống Mỹ⁵; (ii) nhu cầu ngoại tệ tăng trở lại theo yếu tố mùa vụ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán về cuối năm (kim ngạch nhập khẩu hàng hóa đã chấm dứt xu hướng giảm so với năm trước) và đón đầu khả năng FED tăng lãi suất vào tháng 12. Ngoài ra, tín dụng ngoại tệ đang tăng lên. Tính đến 30/10/2016, tín dụng ngoại tệ đã tăng 4,4% so với cuối năm 2015, trong khi cùng kỳ năm 2015 giảm 9%.

Biến động của một số đồng tiền so với USD (tính đến ngày 23/11/2016)

	So với 01/01/201	So với 01/11/2016
Euro	-3.26%	-5.56%
Nhân dân Tệ	-6.63%	-2.22%
Yên Nhật	+6.67%	-7.69%
Dollar Singapore	-0.70%	-2.88%
Won Hàn Quốc	-0.60%	-3.14%
Dollar Taiwan	+3.47%	-1.33%
Bath Thái	+1.22%	-1.88%
Rupee Ấn Độ	-3.93%	-3.21%
Ringgit Malaysia	-3.50%	-6.22%
Rupiah Indonesia	+2.44%	-4.09%
Bảng Anh	-17.65%	+2.44%

(+): thể hiện đồng tiền đang tăng giá
(-): thể hiện đồng tiền đang giảm giá

Nguồn: Reuters

⁵ Tính đến ngày 23/11, chỉ số Bloomberg Dollar Index đã tăng 4% so với ngày 8/11.

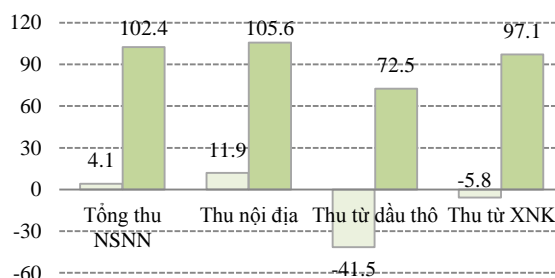
Tuy nhiên, cán cân thương mại cả năm dự báo sẽ vẫn thặng dư, nên biến động tỷ giá trong tháng 11 chỉ là tạm thời. Dù vậy, việc điều hành tỷ giá thời gian tới cần lưu ý một số yếu tố không thuận lợi như: (i) Fed chắc chắn sẽ tăng lãi suất vào tháng 12; (ii) một số đồng tiền chủ chốt trong giỏ tính tỷ giá giảm giá mạnh so với USD, đặc biệt là đồng Nhân dân tệ (CNY)⁶; (iii) lạm phát có chiều hướng tăng.

4. Về cân đối Ngân sách Nhà nước

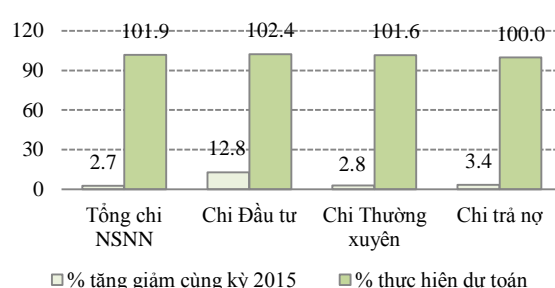
Bội chi NSNN năm 2016 ước đạt mục tiêu về số tuyệt đối⁷ (254 nghìn tỷ đồng) nhưng cao hơn dự toán về số tương đối (5,52% GDP so với 4,95% GDP) do giá trị GDP danh nghĩa giảm so với kế hoạch⁸. Phân tích cơ cấu thu chi NSNN cho thấy, thu nội địa đã bù đắp giảm thu từ thuế xuất nhập khẩu và thu từ dầu thô⁹.

Nợ công tiếp tục tăng, từ mức 62,2% GDP của năm 2015 lên mức dự kiến 64,98% năm 2016 do: bội chi NSNN vẫn ở mức cao; tăng trưởng kinh tế giảm, GDP danh nghĩa đạt thấp hơn kế hoạch.

Thu chi NSNN, 2016, %



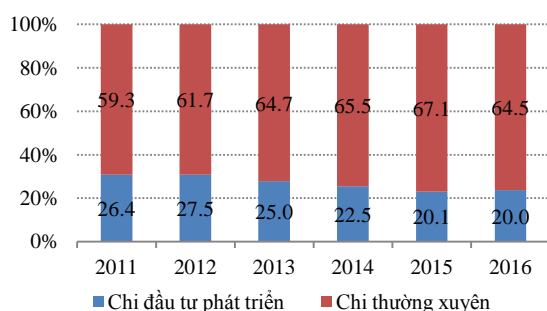
Chi NSNN, 2016, %



□ % tăng giảm cùng kỳ 2015 ■ % thực hiện dự toán

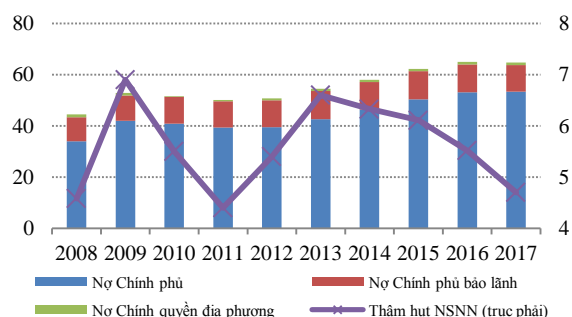
Nguồn: UBGSTCQG tổng hợp

Cơ cấu chi NSNN, 2011-2016, %



Nguồn: UBGSTCQG tổng hợp

Bội chi NSNN và nợ công, 2008 - 2017, % GDP



Nguồn: UBGSTCQG tổng hợp, Số 2017 là số dự kiến

⁶ Đồng Nhân dân tệ liên tục giảm giá và đã lập đáy trong vòng 6 năm gần đây vào ngày 23/11 ở mức 6.92 CNY/USD, giảm mạnh 6,63% so với đầu năm. Riêng trong tháng 11, EUR đã giảm tới 5,56% và JPY giảm 7,69% so với USD.

⁷ Trong đó, thu NSNN ước đạt 1.039 nghìn tỷ đồng (không kể thu chuyên nguồn 4.700 tỷ đồng), bằng 102,4% dự toán, tăng 4,1% so với thực hiện năm 2015. Chi NSNN ước đạt 1.297,7 nghìn tỷ đồng, bằng 101,9% dự toán năm, tăng 2,7% so với thực hiện năm 2015.

⁸ GDP năm 2016 theo kế hoạch đầu năm là 5,1 triệu tỷ đồng, nhưng ước thực hiện năm chỉ đạt 4,6 triệu tỷ đồng.

⁹ Tỷ trọng thu từ dầu thô và thu từ XNK năm 2016 chiếm gần 20%, giảm mạnh so với bình quân 30,8% của giai đoạn 2011-2015.

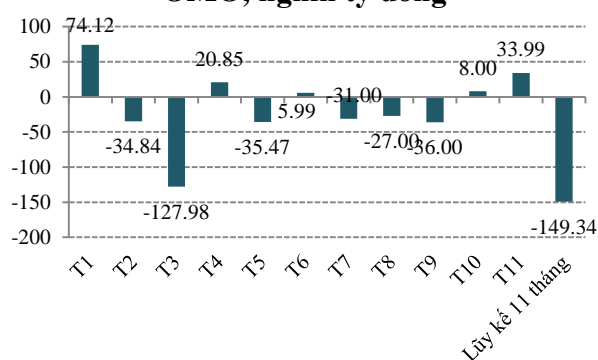
Tuy nhiên, cơ cấu nợ công đang chuyển đổi tích cực hơn: (i) tỷ trọng nợ trong nước tăng và tỷ trọng nợ nước ngoài giảm (tỷ trọng nợ trong nước tăng từ 40,3% tổng dư nợ Chính phủ năm 2010 lên 57% năm 2016); (ii) Kỳ hạn phát hành TPCP bình quân tăng, từ mức bình quân 4,8 năm trong giai đoạn 2011-2015 lên mức khoảng 8,7 năm 2016; (iii) Lãi suất phát hành TPCP bình quân giảm (từ mức bình quân giai đoạn 2011 – 2015 là 7,6%/năm, xuống 6,5% trong năm 2016).

III. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH

1. Thị trường tiền tệ - ngân hàng

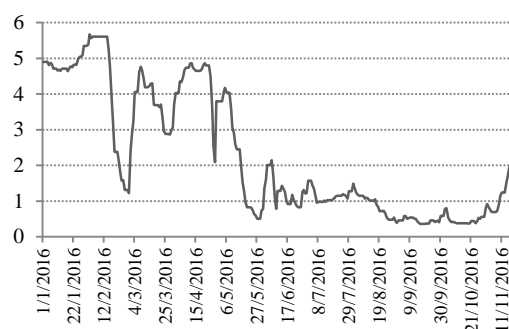
Trên thị trường liên ngân hàng, mặt bằng lãi suất ở các kỳ hạn tăng 1-1,6 điểm % so với tháng trước, lãi suất O/N tính đến 17/11 ở mức 2,02%, tăng 1,64 điểm % so với thời điểm 17/10 (0,38%), song vẫn thấp hơn 3-3,5 điểm % so với thời điểm đầu năm. Nguyên nhân chủ yếu do yếu tố mùa vụ cuối năm khiến nhu cầu vốn ngắn hạn tăng cao đẩy lãi suất trên thị trường LNH tăng so với tháng trước. Trên thị trường mở, nhằm duy trì thanh khoản dồi dào của hệ thống và giảm thiểu áp lực lên tỷ giá, NHNN phát hành tín phiếu kỳ hạn 14 ngày và 28 ngày với mức lãi suất từ 1,5-2%. Tính đến giữa tháng 11, theo công bố của NHNN, NHNN đã bơm hơn 250 nghìn tỷ VND vào nền kinh tế thông qua việc mua hơn 11 tỷ USD kể từ đầu năm, trong khi đó, hút ròng qua OMO để trung hòa chỉ đạt 149.000 tỷ đồng. Tính đến 16/11, M2 tăng 14,87%, cao hơn 3 điểm % so với cùng kỳ năm 2015.

Khối lượng bơm (hút) ròng của NHNN trên OMO, nghìn tỷ đồng



Nguồn: HSC

Lãi suất thị trường LNH qua đêm, %



Nguồn: NHNN

Trong khi đó, mặt bằng lãi suất trên thị trường 1 vẫn ổn định. Lãi suất huy động và cho vay trên thị trường trong 10 tháng hầu như không thay đổi so với tháng trước, lãi suất cho vay 5 lĩnh vực ưu tiên¹⁰ của nhiều NHTM đã về sát mức 6%, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp thuộc những lĩnh vực này ổn định sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, các điều kiện để giảm lãi suất đang bớt thuận lợi hơn khi: (1) CPI tăng nhanh trở lại kể từ tháng 10; (2) Lãi suất của USD gần như chắc chắn tăng vào cuối tháng 12; (3) Lãi suất TPCP tăng khoảng 0,5% ở các kỳ hạn.

¹⁰ Gồm DN vừa và nhỏ, xuất khẩu, nông nghiệp-nông thôn, công nghiệp hỗ trợ và ứng dụng công nghệ cao

2. Thị trường chứng khoán

3.1 Thị trường cổ phiếu

VN Index trụ vững trên ngưỡng hỗ trợ 670 điểm mặc dù chịu tác động của các sự kiện như ông Donald Trump thắng cử tổng thống Mỹ và tỷ giá USD/VND tăng 1%. Dòng tiền từ các nhà đầu tư trong nước tăng cao vẫn đủ sức hấp thụ việc bán ròng 761 tỷ đồng cổ phiếu của nhà đầu tư nước ngoài trong tháng 11. Vốn hóa thị trường cổ phiếu đạt 1 triệu 810 nghìn tỷ đồng (80,1 tỷ USD), tương đương với 41,3% GDP¹¹.

3.2 Thị trường trái phiếu

Lũy kế từ đầu năm đến 23/11, tổng khối lượng huy động TPCP đạt 97,7% kế hoạch năm đã điều chỉnh (281 nghìn tỷ đồng), tương đương 274 nghìn 600 tỷ đồng.

Do thanh khoản hệ thống ngân hàng đã bớt dư thừa, lãi suất liên ngân hàng tăng nên lãi suất TPCP có khả năng tăng nhẹ trong tháng cuối năm.

3.3 Dòng vốn nước ngoài

Giá trị thị trường danh mục nắm giữ của khối ngoại cuối tháng 11 đạt khoảng 19,55 tỷ USD tăng 20% so với cuối năm 2015. Khối ngoại nắm giữ khoảng 20,3% giá trị vốn hóa cổ phiếu niêm yết, giao dịch đại chúng và 5,5% dư nợ trái phiếu.

Nhà đầu tư nước ngoài gia tăng bán ròng 340 triệu USD cổ phiếu và trái phiếu trong tháng 11 (tháng 10 bán ròng 107 triệu USD). Trong đó, chủ yếu là bán ròng trái phiếu Chính phủ sau giai đoạn mua ròng 9 tháng đầu năm xấp xỉ 1 tỷ USD. Đây là dấu hiệu cần chú ý trong bối cảnh tỷ giá USD/VND vừa tăng 1%, CPI cuối tháng 10 tăng 4% so với cuối năm 2015 và Fed có thể sẽ tăng lãi suất trong tháng 12/2016.

ỦY BAN GIÁM SÁT TÀI CHÍNH QUỐC GIA

¹¹ GDP 4 quý gần nhất